

110T

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 157/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2021

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 02/02/2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào sản xuất, phát triển các sản phẩm quốc gia nhằm tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm quốc gia tại thị trường trong nước và quốc tế. Đến năm 2030, hình thành và phát triển tối thiểu 10 sản phẩm quốc gia mới.

2. Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh đối với các sản phẩm quốc gia đã được phê duyệt trong Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thực hiện lựa chọn sản phẩm quốc gia từ các sản phẩm trọng điểm, ưu tiên, chủ lực của các ngành, lĩnh vực

a) Sản phẩm quốc gia được lựa chọn phát triển đáp ứng các yêu cầu sau:

- Sản xuất trên cơ sở ứng dụng công nghệ tiên tiến, có khả năng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

- Có quy mô lớn, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao, có khả năng thay thế hàng hóa nhập khẩu hoặc mang lại giá trị xuất khẩu, có tác động lan tỏa, tích cực đối với phát triển kinh tế - xã hội hoặc quốc phòng an ninh;

- Phát huy được các lợi thế về nhân lực, tài nguyên và điều kiện tự nhiên của Việt Nam, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của các ngành, lĩnh vực.

b) Sản phẩm quốc gia được lựa chọn tập trung vào các ngành, lĩnh vực cụ thể sau đây:

- Công nghiệp chế biến, chế tạo; năng lượng; công nghiệp thông tin, viễn thông, điện tử và công nghiệp hỗ trợ;

- Nông nghiệp chủ lực quốc gia;

- Quốc phòng và an ninh;

- Dược, y tế và bảo vệ môi trường;

- Sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, phục vụ hiệu quả cho quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Việt Nam;

- Các sản phẩm ưu tiên khác theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, phục vụ việc hình thành và phát triển các sản phẩm quốc gia

a) Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu làm chủ công nghệ tiên tiến, tăng cường ứng dụng công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư hỗ trợ hình thành và phát triển các sản phẩm quốc gia.

b) Tìm kiếm, lựa chọn nhập khẩu công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ, giải mã, làm chủ và cải tiến công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

c) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, trao đổi thông tin với các chuyên gia, tổ chức khoa học, công nghệ ngoài nước có uy tín nhằm giải quyết những vấn đề khoa học, công nghệ phức tạp trong nước; hình thành các nhóm nghiên cứu đủ năng lực tiếp thu, làm chủ, hoàn thiện và sáng tạo công nghệ mới phục vụ mục tiêu phát triển sản phẩm quốc gia.

d) Ưu tiên bố trí đủ kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, kinh phí tìm kiếm thông tin, mua quyền sở hữu, quyền sử dụng và bí quyết công nghệ, thuê chuyên gia, tư vấn nước ngoài hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia.

3. Tư vấn, hỗ trợ xây dựng và phát triển các tổ chức, doanh nghiệp điển hình sản xuất sản phẩm quốc gia

a) Thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, dây chuyền công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của sản phẩm quốc gia và khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia tại thị trường trong và ngoài nước.

b) Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm quốc gia; ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia phát triển bền vững và đủ năng lực tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu.

c) Tổ chức, doanh nghiệp phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ và các ưu đãi khác theo quy định pháp luật.

d) Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia sản xuất sản phẩm quốc gia được hưởng các ưu đãi về tín dụng, thuế, sử dụng đất theo quy định pháp luật.

đ) Ưu tiên doanh nghiệp, tổ chức sản xuất sản phẩm quốc gia tham gia các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý hoặc các bộ, cơ quan khác được giao quản lý.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hoạt động xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm quốc gia

a) Phát triển các dịch vụ tư vấn xây dựng chỉ dẫn địa lý, xuất xứ hàng hóa, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, thương hiệu Việt Nam; áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế.

b) Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất sản phẩm quốc gia được khuyến khích, ưu tiên mang sản phẩm quốc gia tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế, các chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, xây dựng và phát triển thương hiệu quốc gia.

5. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao trình độ của đội ngũ nhân lực nghiên cứu, nhân lực kỹ thuật, nhân lực quản trị doanh nghiệp đủ năng lực ứng dụng, làm chủ các công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, kỹ năng quản lý thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trong quá trình triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia phát triển, sản xuất sản phẩm quốc gia trong việc nâng cấp, đầu tư mới một số trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động đo kiểm, thử nghiệm sản xuất theo quy định pháp luật.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn: Ngân sách nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ của Chương trình; vốn của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình; tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung Chương trình, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ưu tiên bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Các tổ chức, doanh nghiệp đề xuất dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia có phương án huy động các nguồn vốn hợp pháp khác, bảo đảm tính khả thi theo quy định pháp luật.

4. Việc quản lý, sử dụng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ tại Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo, Ban Chủ nhiệm Chương trình

Chương trình được đặt dưới sự chỉ đạo và điều phối của Ban Chỉ đạo quốc gia do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Ban Chủ nhiệm Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập, giúp tư vấn triển khai các hoạt động của Chương trình.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức hướng dẫn thực hiện các nội dung của Chương trình, định kỳ hằng năm tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

b) Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

c) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan xem xét, quyết định theo thẩm quyền và các quy định pháp luật liên quan đối với những nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 có yêu cầu được gia hạn tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030.

d) Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan và địa phương đề xuất bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

đ) Chủ trì, phối hợp các bộ, cơ quan liên quan thẩm định các nhiệm vụ thuộc Chương trình và phê duyệt các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm quản lý.

e) Tổng hợp dự toán kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình được triển khai ở các bộ, ngành, địa phương gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính cân đối, bố trí vào kế hoạch hằng năm.

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác truyền thông về nội dung, kết quả, sản phẩm của Chương trình; thu hút sự quan tâm của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đối với hoạt động của Chương trình.

h) Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện Chương trình theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với Chương trình; theo thẩm quyền, trách nhiệm tiến hành việc sửa đổi, bổ sung quy định quản lý Chương trình nếu cần thiết.

3. Bộ Tài chính

a) Bảo đảm kinh phí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình và các nhiệm vụ được giao, chuyển tiếp của Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia giai đoạn đến 2020 theo quy định pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định quản lý tài chính thực hiện Chương trình nếu cần thiết.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính tổng hợp, cân đối các nguồn lực để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

a) Hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong việc phát triển năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường trong nước và quốc tế.

b) Chủ trì thẩm định các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm quốc gia và phê duyệt, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo thẩm quyền quản lý; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất bổ sung Danh mục sản phẩm quốc gia, các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

c) Xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc tổng hợp, đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định đối với những nhiệm vụ có yêu cầu được gia hạn, chuyển tiếp để tiếp tục thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030.

d) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng và triển khai các giải pháp, chính sách liên quan đến phát triển sản xuất, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường sản phẩm quốc gia.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, CN, NN, ĐMDN;
- Lưu: VT, KGVX (2b). 11

